

PHÁC HỌA VỀ LỄ HỘI DÂN GIAN / TRUYỀN THỐNG

của người Việt ở đồng bằng Sông Cửu Long

NGUYỄN XUÂN HỒNG*

Theo cuốn *Thống kê lễ hội Việt Nam* xuất bản năm 2008 (2 tập) của Cục Văn hóa cơ sở thì 13 tỉnh thành ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có 1.234 lễ hội (trong 7.966 lễ hội của cả nước), trong đó lễ hội dân gian 856 (69,36%); lễ hội tôn giáo 262 (21,23%); lễ hội lịch sử cách mạng 107 (8,67%); lễ hội khác 9 (0,72%). Những số liệu thống kê trên cho thấy, lễ hội các dân tộc ở ĐBSCL không phải là ít, dù còn một số địa phương do chưa có điều kiện tiến hành khảo sát, thống kê trên diện rộng, nên số liệu công bố trên đây chắc chắn còn chưa đầy đủ.

Để có những số liệu thống kê về lễ hội dân gian/truyền thống của người Việt ở ĐBSCL đầy đủ hơn, ngoài tài liệu ở trên, chúng tôi còn dựa vào các nguồn tài liệu sau: Một số công trình nghiên cứu về văn hóa vật thể và phi vật thể của các tỉnh Long An, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Cà Mau và các tài liệu liên quan đến đề tài; Các số liệu thống kê về lễ hội của bảo tàng các tỉnh, thành vùng ĐBSCL; Các số liệu thống kê lễ hội trong quá trình khảo sát, điền dã của tác giả.

Quá trình nghiên cứu, khảo sát thực tế và phân tích các tài liệu liên quan đến đề tài cho thấy, việc thống kê số liệu lễ hội dân gian/truyền thống của người Việt ở ĐBSCL

cũng hết sức phức tạp bởi mấy vấn đề sau: Thứ nhất, tùy theo hoàn cảnh kinh tế cụ thể ở từng địa phương mà lễ hội đình được tổ chức theo định kỳ một lần/năm hoặc hai đến ba lần/năm nên khó có thể thống kê chính xác số lượng của lễ hội. Do vậy, chúng tôi dựa vào các cơ sở thờ tự (cái bất biến) là đình, đền, miếu, lăng, dinh, mộ, gò... để thống kê số liệu lễ hội dân gian/truyền thống của người Việt ở ĐBSCL. Thứ hai, đối tượng thờ tự trong đình, đền, miếu, lăng... ở ĐBSCL không nhất quán, có thể cùng một vị thần tôn thờ, nhưng lại được phối tự ở nhiều cơ sở tín ngưỡng khác nhau, chẳng hạn các Thành hoàng thường được thờ tự ở đình, nhưng có nơi lại thờ tự ở miếu; tương tự như vậy, cả Ông/voi thường được thờ tự ở lăng, nhiều địa phương khác lại thờ tự ở miếu, dinh... Do vậy, quá trình thống kê, phân loại chúng tôi vẫn giữ nguyên cách gọi hiện nay của các cơ sở thờ tự này. Thứ ba, những cơ sở thờ tự ở ĐBSCL có quy mô lớn nhỏ khác nhau, có những cơ sở thờ tự thuộc cộng đồng, có những cơ sở thờ tự thuộc cá nhân, gia đình, dòng họ. Ở đây chúng tôi chỉ thống kê những cơ sở thờ tự có diễn ra lễ hội, tức có các nghi thức cúng, tế và hát bội, múa bóng rỗi...; các trò chơi dân gian trong lễ hội; các cơ sở thờ tự khác chưa hội đủ hai yếu tố trên, không nằm trong phạm vi nghiên cứu của bài viết này.

**Thống kê lễ hội dân gian/truyền thống của người Việt
ở đồng bằng Sông Cửu Long**

Tỉnh/Thành	Lễ hội tại đình	Lễ hội tại đền	Lễ hội tại miếu	Lễ hội tại lăng/dinh/miếu thờ cá Ông	Lễ hội tại dinh/lăng/mộ/gò/điện	Cộng
1- An Giang	22	1	1			24
2- Bạc Liêu	11		7	1		19
3- Bến Tre	174		3	1		178
4- Cà Mau	19			1		20
5- Cần Thơ	18	1			1	20
6- Đồng Tháp	67	2	1		2	72
7- Hậu Giang	24					24
8- Kiên Giang	29	1		1	1	32
9- Long An	35		3			38
10- Sóc Trăng	88	1	1	2		92
11- Tiền Giang	95	4		1	1	101
12- Trà Vinh	20		1			21
13- Vĩnh Long	33		6	2	1	42
Cộng	635	10	23	9	6	683

Bảng thống kê trên cho thấy, ở ĐBSCL hiện có khoảng 683 cơ sở tín ngưỡng (gồm đình, đền, miếu, lăng thờ cá Ông, dinh, lăng mộ, gò...) có tổ chức lễ hội hàng năm. Có thể khái quát về các loại lễ hội này như sau:

- *Lễ hội tại đình*: ĐBSCL có khoảng 635 ngôi đình của người Việt (chiếm tỷ lệ 92,97%), trong đó các tỉnh có số lượng đình làng nhiều nhất là Bến Tre (174 đình, tỷ lệ 27,40%), Tiền Giang (95 đình, tỷ lệ 14,96%), Đồng Tháp (67 đình, tỷ lệ 10,55%); thành phố Cần Thơ (18 đình, tỷ lệ 2,84%) Cà Mau (19 đình, tỷ lệ 2,99%), tỉnh có số lượng đình làng ít nhất là Bạc Liêu (11 đình, tỷ lệ 1,73%),

Nhìn chung, các yếu tố: lịch sử, giao lưu và cố kết cộng đồng, điều kiện giao thông đi lại thuận lợi... đã quy định việc lập ấp xây đình của người Việt. Chính vì lẽ đó, số lượng đình thường tập trung ở các tỉnh có lớp cư dân người Việt đến định cư sớm, cộng đồng phát triển và giao thông đi lại thuận lợi. Càng đi sâu về phía Nam, do bị chi phối bởi sự hạn chế của các yếu tố trên, nên số lượng đình thưa dần.

Ngôi đình của người Việt ở ĐBSCL được

hình thành trong quá trình khai phá vùng đất phương Nam của người Việt, nhưng phần lớn các ngôi đình còn đến ngày nay đều được trùng tu, xây dựng mới vào thời cận đại. Kiến trúc, bài trí ngôi đình tuy có chịu ảnh hưởng văn hóa của người Hoa, sau này là văn hóa Pháp, nhưng vẫn giữ được đặc trưng văn hóa Việt. Đối tượng thờ tự trong ngôi đình hết sức phức tạp, có thể quy vào hai nhóm: nhóm thứ nhất, thờ những vị Thành hoàng và Phúc thần cùng với Thành hoàng bản cảnh, tức bao gồm các vị thần do cư dân Việt đem từ quê gốc vào, các vị thần có công khai hoang, phù hộ người đi biển và Thành hoàng bản cảnh - vị thần do triều Nguyễn phong sắc sau này; nhóm thứ hai, thờ những vị thần theo tín ngưỡng dân gian (Tiền hiền, Hậu hiền, Thổ công, Thổ địa, Tiên sư, Bạch Mã Thái giám, Linh Sơn Thánh Mẫu, Ngũ Hành Nương Nương, Bà Chúa Xứ...).

Trong thực tế, cũng tùy theo hoàn cảnh kinh tế cụ thể của từng địa phương mà dân làng tổ chức lễ hội theo những mô hình như: các làng/ấp kinh tế còn nghèo, một năm chỉ tổ chức các lễ nhỏ cùng với hai lễ Hạ điền và Thượng

điền, sau ba năm mới chọn một ngày Thượng điền hoặc Hạ điền làm lễ Kỳ yên; ở những làng, thị tứ kinh tế khá giả thường tổ chức một năm đủ ba lễ Thượng điền, Hạ điền, Kỳ yên. Như vậy, nếu tính các lễ hội được tổ chức tại đình làng một lần/năm thì số lễ hội tương ứng với số đình như đã thống kê; những làng, thị tứ khác tổ chức đủ ba lễ thì số lễ hội nhiều hơn số đình hiện hữu như đã thống kê được.

- *Lễ hội tại đền*: Đền thường là nơi thờ các danh nhân. Ở Nam Bộ cũng như vùng ĐBSCL, các danh nhân nhiều khi lại được thờ trong đình, miếu, dinh... Do quan niệm chưa rạch ròi ấy mà số lượng các đền thờ tại ĐBSCL không nhiều (có khoảng 10 đền thờ của người Việt, chiếm tỉ lệ 1.46%). Trong các cơ sở thờ tự này, có hai đền thờ danh nhân có nguồn gốc từ Bắc vào (đền thờ Hải Thượng Lãn Ông tại xã An Hòa, thành phố Cần Thơ và đền thờ Trần Hưng Đạo tại xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, Kiên Giang), còn lại là các danh nhân thời cận đại như: Nguyễn Trung Trực, Trần Văn Thành, Tuyên Trưng hầu,... trong đó Nguyễn Trung Trực được nhiều cộng đồng làng xã tôn thờ cả ở đình và miếu. Mỗi cơ sở thờ tự này đều có ngày lễ hội riêng, thường được tổ chức vào ngày mất của các danh nhân.

- *Lễ hội tại miếu*: Ngôi miếu ở ĐBSCL rất phổ biến. Đối tượng được thờ tự trong miếu gắn với các tín ngưỡng dân gian rất đa dạng. Ở những làng ven biển, ven sông thường có nhiều miếu thờ Ngũ Hành Nương Nương, Cửu Thiên Huyền Nữ, Bà Thủy Long, Bà Chúa Động, Bà Cổ Hỷ, Nam Hải Tướng quân...; những vùng chuyên làm ruộng, vườn có miếu thờ Thần Nông, Ngũ Thổ Long Thần, Bà Chúa Xứ...; ấp ở chợ có miếu thờ cô hồn... Ngoài ra, trong các cộng đồng làng xã còn có nhiều miếu thờ Quan Công, Tiên sư và các danh nhân lịch sử khác.

Ở các tỉnh tiếp giáp thành phố Hồ Chí Minh, số lượng miếu không nhiều: Long An có 3 miếu (thờ Bà Chúa Xứ, Bà Ngũ Hành và Bà Cố), Vĩnh Long có 6 miếu (thờ Bà Thiên Hậu và Bà Thủy Long, Quan Thánh, Khổng Tử, Văn Xương Đế Quân, các vị thần tự nhiên và nhân thần), Cần Thơ có 1 miếu (thờ Ông Hổ)... Trong khi đó, các tỉnh giáp biển hoặc có sông rạch chằng chịt, đi lại bằng đường giao thông thủy là chính, thì số lượng miếu thờ độc lập dày đặc hơn. Ví dụ, tỉnh Trà Vinh có 143 miếu; Bến

Tre có 51 miếu... Các tỉnh Cà Mau, Trà Vinh, An Giang,... miếu thờ các vị thần dân gian không chỉ có ở các cộng đồng làng xã, mà còn có ở các hộ gia đình, trong đó việc thờ Bà Chúa Xứ là nổi trội hơn cả.

Như vậy, hệ thống miếu thờ theo tín ngưỡng dân gian của người Việt ở ĐBSCL khá dày đặc. Mặc dầu vậy, chỉ có 23 lễ hội tại miếu tổ chức đầy đủ các nghi thức cúng, tế, văn nghệ, các trò chơi dân gian, tập trung ở các tỉnh: An Giang (1 lễ hội), Bạc Liêu (7 lễ hội), Bến Tre (3 lễ hội), Long An (3 lễ hội), Đồng Tháp (1 lễ hội), Vĩnh Long (6 lễ hội), Trà Vinh (1 lễ hội), Sóc Trăng có khá nhiều miếu thờ theo tín ngưỡng dân gian, nhưng nổi bật nhất là lễ hội Thắc Côn (cúng Dừa) được nhân dân liên xã tại huyện Mỹ Tú tổ chức hàng năm.

Trong số các lễ hội tại miếu kể trên, lễ hội theo tín ngưỡng Bà Chúa Xứ chiếm đa số (7 lễ hội), trong đó nổi bật là lễ hội tại Miếu Bà Chúa Xứ - núi Sam (thị xã Châu Đốc, An Giang) - một lễ hội lớn nhất ở Tây Nam Bộ, thu hút hàng chục ngàn người hàng năm.

- *Lễ hội tại lăng/dinh/miếu/dinh... thờ cá Ông*: Theo thống kê của chúng tôi, ở ĐBSCL có khoảng 15 địa điểm (lăng, dinh, miếu, đình) thờ cá Ông, trong đó chỉ có 9 địa điểm tổ chức lễ hội với quy mô khá lớn hàng năm, chiếm tỷ lệ 1,32%. Lễ hội thờ cúng cá Ông, dân gian còn gọi là "Nghinh Ông" hoặc thờ cúng "Ông Nam Hải",... tập trung ở các vùng ven biển như: Vàm Láng (Gò Công, Tiền Giang); Bình Thắng (Bình Đại, Bến Tre); Phong Thoái (thị trấn Vũng Liêm, Vĩnh Long) và xã Thanh Bình (Vũng Liêm, Vĩnh Long); Trung Bình (Long Phú, Sóc Trăng), Lạc Hòa (Vĩnh Châu, Sóc Trăng); Hiệp Thành (thị xã Bạc Liêu); Sông Đốc (Trần Văn Thời, Cà Mau); Lai Sơn (Kiên Hải, Kiên Giang)...

Phần nhiều các lễ hội Nghinh Ông được tổ chức vào trung tuần các tháng, từ tháng 5 đến tháng 10 Âm lịch hàng năm. Cũng có một số địa phương tổ chức vào đầu năm, từ tháng 2 đến tháng 3 Âm lịch. Việc tổ chức lễ hội Nghinh Ông vào ngày rằm là khá phổ biến, vì các ngư dân chỉ đánh bắt thủy sản vào những đêm trời không có trăng. Ngày rằm hàng tháng đánh bắt thủy sản không cao, ngư dân thường vào bờ, đó là thời điểm hợp lý để tổ chức lễ hội. Mặt khác, lễ hội Nghinh Ông có tần số dày đặc hơn

từ tháng 5 đến tháng 10 Âm lịch là do khoảng thời gian này thời tiết biển diễn ra phức tạp, khắc nghiệt, thường có dông bão rất lớn, nên khi cá voi bị chết (lụy) và được sóng biển đánh dạt vào bờ nhiều hơn. Vào tháng 2, tháng 3 Âm lịch thì trời yên biển lặng, ngư dân ven biển ít gặp cá voi lụy trôi dạt vào bờ. Tập tục của các ngư dân vùng biển, khi gặp cá voi chết, dân làng tổ chức đám tang theo nghi thức như đám tang của một thành viên của cộng đồng.

- Lễ hội tại dinh/lăng mộ/gò:

Thực tế nghiên cứu, khảo sát các cơ sở thờ tự khác (dinh/lăng mộ/gò) ở ĐBSCL cho thấy có hai loại đối tượng được tôn vinh: Các danh nhân, với các lễ hội diễn ra tại lăng mộ/dinh: lăng Tứ Kiệt (thị trấn Cai Lậy, Tiền Giang), lăng Nguyễn Văn Tôn (Trà Ôn, Vĩnh Long), lăng Bùi Hữu Nghĩa (An Thới, TP. Cần Thơ), lăng Mạc Cửu (Bình Sơn, thị xã Hà Tiên), dinh Đốc Binh Vàng - Trần Văn Năng (Thanh Bình, Đồng Tháp). Các danh nhân phối tự với Bà Chúa Xứ như ở Gò Tháp (xã Tân Kiều, Tháp Mười, Đồng Tháp). Cơ sở thờ tự này có hai lễ hội trong năm vào các ngày: 14, 15 tháng 3 Âm lịch (lễ hội tôn vinh Bà Chúa Xứ và Hai Bà Trưng); ngày 14, 15 tháng 11 (lễ hội tôn vinh Đốc Binh Kiều và Thiên Hộ Vương).

Nhìn chung, đối tượng thờ tự tại các dinh/lăng mộ/gò không có khác biệt nhiều lắm so với đối tượng thờ tự ở đình, đền. Do vậy, nghi lễ trong lễ hội cơ bản giống như lễ hội Kỳ yên ở các đình Nam Bộ.

Như đã trình bày ở trên, ở ĐBSCL hiện có khoảng 683 cơ sở thờ tự của người Việt gồm đình, đền, miếu, lăng thờ cá Ông, dinh, lăng mộ, gò... có tổ chức lễ hội hàng năm. Các cơ sở thờ tự này đều ghi dấu ấn của quá trình tiếp biến văn hóa giữa người Việt với cư dân ở các địa phương sở tại, trong quá trình người Việt từ phía Bắc vào đây cùng khai mở vùng đất phía Nam. Người Việt đã mang theo văn hóa vốn có từ quê cội, đồng thời còn tiếp nhận văn hóa của người Chăm, người Khmer, tạo nên những đặc thù của lễ hội của người Việt ở phương Nam.

Tuy lễ hội của người Việt ở Nam Bộ rất đa dạng nhưng có thể quy vào ba nhóm, tương ứng với ba loại lễ hội: tín ngưỡng Thành hoàng, phúc thần và các danh nhân lịch sử/lễ hội tại đình; tín ngưỡng thờ Mẫu - Nữ thần/lễ hội tại miếu; tín ngưỡng thờ thần biển/lễ hội tại lăng,

dinh, miếu... thờ cá Ông voi. Ở nhóm thứ nhất, có 635 lễ hội (chiếm tỷ lệ 92,97%), phản ánh tính phổ biến của loại hình tín ngưỡng/lễ hội này trong tâm thức người dân Việt nơi đây. Ở nhóm thứ hai, cơ sở thờ tự thường là miếu, nhưng không phải miếu thờ nào cũng tổ chức lễ hội hàng năm, mà chỉ có khoảng 23 lễ hội tại miếu (chiếm tỷ lệ 3,37%) được tổ chức với quy mô làng xã hoặc khu vực, trong đó nổi bật là lễ hội tại Miếu Bà Chúa Xứ - núi Sam. Ở nhóm thứ ba, thường diễn ra ở một số làng ven biển từ Trung Bộ đến Kiên Giang - Phú Quốc. Có 9 lễ hội loại này (chiếm tỷ lệ 1,32%). Tuy số lượng không nhiều nhưng lễ hội Nghinh Ông lại có đặc trưng riêng mà các loại lễ hội khác không có, đó là sự biểu thị mối gắn kết giữa con người với biển cả. Khu biệt trong một không gian cụ thể, đó là vùng duyên hải ĐBSCL, để nói rằng: lễ hội Nghinh Ông là một thành tố đặc trưng của văn hóa biển - loại "lễ hội nước" lớn nhất ở vùng này. Cũng có thể coi đó là một điểm nhấn trong phác họa về lễ hội dân gian của người Việt ở đồng bằng sông Cửu Long./.

N.X.H

Tài liệu tham khảo:

- 1- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Vĩnh Long (2000), *Tìm hiểu văn hóa Vĩnh Long 1732 - 2000*, Nxb. Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh.
- 2- Nguyễn Chí Bền (2006), *Góp phần nghiên cứu văn hóa dân gian Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 3- Cục Văn hóa cơ sở (2008), *Thống kê lễ hội Việt Nam (tập 1)*, Hà Nội.
- 4- Cục Văn hóa cơ sở (2008), *Thống kê lễ hội Việt Nam (tập 2)*, Hà Nội.
- 5- Lưu Hội (2006), *Đình làng ở Bến Tre - các giá trị văn hóa*, Nxb. Văn hóa dân tộc.
- 6- Phan Hùng (chủ nhiệm đề tài) (2001), *Điều tra, đánh giá và giải pháp khôi phục bảo tồn các di sản văn hóa vật thể - phi vật thể ở Bạc Liêu* (đề tài cấp tỉnh).
- 7- Trần Phương Hùng (chủ nhiệm đề tài) (1998), *Nghiên cứu lễ hội truyền thống ở Tiền Giang, đề xuất hướng bảo tồn và phát huy vốn văn hóa dân tộc* (đề tài cấp tỉnh).
- 8- *Lễ hội Nghinh Ông ở Cà Mau* (2003) (đề tài cấp tỉnh).
- 9- Huỳnh Thanh Sơn (chủ nhiệm đề tài) (2003), *Lễ hội các dân tộc ở Trà Vinh* (đề tài cấp tỉnh).
- 10- Phan Văn Tú (2006), *Bước đầu tìm hiểu tín ngưỡng thờ Bà Chúa Xứ ở Cà Mau* (đề tài của Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Cà Mau).